

CAO TĂNG TRUYỆN

QUYỂN 8

THÍCH TĂNG UYÊN

Ngài vốn họ Triệu người Dĩnh Xuyên, sau đó đổi thành Ngụy Tư Không Nghiễm. Hiếu học từ nhỏ, tinh tấn trì giới, chuyên cần học giáo nghĩa kinh điển. Ban đầu đến Từ châu ở chùa Bạch Tháp. Theo ngài Tăng Tung học Thành Thật, Tỳ-đàm. Học chưa đầy ba năm mà sức vượt mười năm. Tiếng tăm tuệ giải vang khắp xa gần. Tướng mạo của Ngài to lớn, thất lũng mười ôm. Thần khí phóng khoáng, nói năng tự tại. Ấn sĩ Lưu vì thế mà sửa chỗ ở của mình làm tịnh xá. Các vị Đàm Độ, Tuệ Ký, Đạo Đăng, đều theo Ngài học đạo. Tuệ Ký tinh thông cả Số luận. Đạo Đăng giỏi Niết-bàn và Pháp Hoa. Đều là những vị được Ngụy chủ Nguyên Hoàng kính trọng, nổi tiếng nước Ngụy. Ngài Tăng Uyên mất vào niên hiệu Thái hoà thứ năm nhà Ngụy. Thọ sáu mươi tám tuổi, nhằm niên Kiến Nguyên thứ 3 nhà Tề.

THÍCH ĐÀM ĐỘ

Ngài họ Thái, người Giang Lăng. Tuổi tuy nhỏ mà tỏ ra nét na chững chạc, vốn lấy pháp tắc làm chuẩn. Thần khí mẫn ngộ, thông suốt hơn người. Sau đó đến kinh sư du học. Thông suốt các sách vở, kinh điển như Niết-bàn, Pháp Hoa, Duy-ma, Đại Phẩm và tham cứu đến chỗ sâu kín nhiệm mầu, ý tưởng vượt ngoài ngôn ngữ. Ngài định về hướng Tây nhưng chân bị đau nên bèn ở lại Từ Châu. Cầu Pháp sư Tăng Uyên học thêm Thành Thật Luận, vì vậy mà Ngài thông thạo luôn bộ này. Đương thời là bậc trác tuyệt. Ngụy chủ Nguyên Hoàng nghe tin Ngài ở Xan Ấp sai người đến trưng thỉnh. Ngài đến Bình Thành mở đại hội thuyết giảng. Nguyên Hoàng tỏ lòng tôn kính nên mở tiệc đích thân ông

sấm sửa thức ăn. Bấy giờ Ngài ở lại Ngụy đô tiếp tục hoàng hoá. Học chúng từ xa kéo về hơn một ngàn người. Ngài tịch vào niên hiệu Thái Hoà thứ mười ba nhà Ngụy ở nước Ngụy. Tức niên hiệu Vĩnh Minh thứ 6 nhà Tề. Ngài soạn Thành Thật Luận Đại Nghĩa số, tám quyển, truyền bá rộng rãi ở phương Bắc.

THÍCH ĐẠO TUỆ

Ngài họ Vương, người Dư Dao, ngụ ở Kiến Nghiệp, mười một tuổi xuất gia làm đệ tử ngài Tăng Viễn ở chùa Linh Diệu. Đến năm mười bốn tuổi đọc quyển Lư Sơn Tuệ Viễn Tập, bèn buồn bã than rằng mình sinh ra đời quá muộn. Rồi cùng các bạn là Trí Thuận ngược dòng cả một ngàn dặm đến thăm di tích của Tổ Tuệ Viễn. Thế là Ngài ở lại chùa Tây Lô Sơn qua ba năm, sau đó lại trở về kinh đô. Lúc đó vua cho biện về nghĩa của tam tướng nên nhóm họp các học tăng đông đủ. Lúc đó Ngài mới mười bảy tuổi, mấy phen Ngài đặt câu hỏi, lời nói hàm ẩn lý lẽ sâu xa có thứ tự. Mọi người đều lấy làm lạ. Sau đó Ngài theo thọ giáo nơi hai Pháp sư Mãnh, Bân. Tăng Mãnh thường giảng Thành Thật Luận, Trương Dung lập hội tranh luận nhiều lần đến mời Ngài nhưng Ngài cáo bệnh không kham nổi bèn sai Đạo Tuệ đến đáp lời. Trương tỏ ra xem thường. Nhân cơ hội đó Ngài dùng những lý lẽ ngôn từ sắc bén chiết phục họ. Thừa sức đối đáp với chúng. Ngài am tường Đại Thừa và giỏi Số Luận. Giảng thuyết liên tục, học chúng vô số, phân biệt rõ nghĩa, loại mới xếp thành chương đoạn. Chử Trừng và Tạ Siêu Tôn là những người tiếng tăm đương thời mà cũng bái phục vị nể Ngài. vì tuổi mẹ Ngài đã lớn nên Ngài muốn về phụng dưỡng mẹ già. Thế là Ngài dời về ở chùa Trang Nghiêm, mẹ tiếc cho chí nguyện của Ngài nên xuất gia tu đạo, đổi nhà thành tịnh xá Bất Viễn, ngài mất niên hiệu kiến Nguyên thứ 3 nhà Tề. Thọ ba mươi một tuổi. Lúc lâm chung Ngài bảo lấy phát trần trao cho bạn là Trí Thuận. Trí Thuận buồn than: Đáng tiếc cho người như vậy mà tuổi không đến bốn mươi. Vì thế ông đem phát trần bỏ vào quan tài để liệm theo Ngài. Rồi an táng Ngài ở hướng mặt trời mọc trên núi Chung Nam.

Trần Quận Tạ Siêu Tôn lập văn bia. Bấy giờ chùa Trang Nghiêm lại có các vị Huyền Thứ, Tăng Đạt đều là những bậc học thức uyên thâm. Huyền Thứ thông suốt các kinh, và thành thạo nội ngoại điển,

rất giỏi thuyết pháp, phong cách dễ mến. Ngài Tăng Đạt tuổi ít mà đầu bạc trắng, nên người thời ấy bảo rằng Đạt đầu bạc. Cũng thông suốt các sách vở, kinh điển nhưng tính tình ngang ngạnh nên bị tẩn xuất đến Trường Sa.

THÍCH TĂNG CHUNG

Ngài họ Tôn người quận Lỗ, xuất gia năm mười sáu tuổi. Thiếu dục tu đạo. Có lần đến Thọ Xuân. Ngài Tăng Đạo thấy được rất ngạc nhiên. Vương Nghiệp ở quận Tiều rất quý trọng chí khí và tiết tháo của Ngài nên cúng dường bốn món cần dùng. Sau đó sang thỉnh Ngài giảng Bách Luận, ngài Tăng Đạo đến dự thính rồi nói với người khác rằng: Hậu sanh khả ứ thật đúng như vậy. Ngài Tăng Chung có sở trường về Thành Thật, Tam Luận, Niết-bàn, Thập Địa v.v... sau đó Ngài về phương Nam đến kinh sư ở chùa Trung Hưng. Đầu niên hiệu Vĩnh minh, Ngụy chủ sai Lý Đạo Cố đến dự hội ở chùa. Vua cho rằng Ngài là người có tiếng tăm về đức độ nên thỉnh Ngài làm chủ buổi đối đáp. Trò chuyện qua lại trải qua mấy tiếng đồng hồ mà nói vẫn chưa cạn lời, lúc này trời đã xế bóng. Ngài Đạo Chung không thọ thực.

Cố hỏi: Sao Ngài không dùng cơm.

Ngài đáp: Đạo pháp của chư Phật dạy hễ quá Ngọ không được ăn.

Đạo Cố nói: Thế nào gọi là Thanh văn.

Ngài đáp: là người ứng theo âm thanh mà được độ nên hiệu làm Thanh văn.

Người thời ấy cho rằng đó là trả lời theo tên. Về sau nhiều lần giảng thuyết, người dự nghe vô số. Thái tử Văn Huệ nhà Tề, Văn Tuyên Vương Cảnh Lăng nhiều lần thỉnh Ngài về phương Nam. Ngài thị tịch vào niên hiệu Vĩnh minh thứ 7 nhà Tề, thọ sáu mươi tuổi.

Thời ấy những bậc tiếng tăm đức độ sánh cùng Ngài có Sấm Đàm Thiên, Đàm Diên, Tăng Biểu, Tăng Tối, Mẫn Đạt, Tăng Bảo v.v... vị nào cũng thông thạo kinh luận, đều được Văn Tuyên kính trọng, luôn phiên nhau thăng toà thuyết pháp.

THÍCH ĐẠO THẠNH

Ngài họ Chu người nước Phái, xuất gia từ lúc còn nhỏ mà rất chăm học. Rất giỏi kinh Niết-bàn, Duy-ma và thông thạo cả Chu, Dịch. Lúc đầu ở Tương châu, Tống Minh hay tin ra lệnh thỉnh Ngài về kinh đô, ở chùa Bành Thành. Tạ Siêu Tôn vừa gặp bèn đánh lễ Ngài làm thầy. Ngài trước thuật Giao luận và Sanh tử bốn vô nguyên luận v.v... Sau đó ở chùa Thiên Bảo. Cao Đế nhà Tề sắc phong Ngài làm tăng chủ thay ngài Đàm Độ. Đan Dương Y Thẩm Văn Quý vốn phụng kính Hoàng lão, bài bác Phật tổ. Bèn lập tăng cục nghĩa phù để trách phạt tăng thuộc tịch. Muốn sa thải bớt tăng ni. Do Ngài là người đầy đủ bản lãnh và có công nên vô sự. Sau này Thẩm Văn Quý thiết hội ở chùa Thiên Bảo để cho Lục Tu Tĩnh luận nghị với Ngài Đạo Thanh. Ngài Đạo Thanh lý lẽ vốn đã rành rõ, lại thêm ngôn từ sắc sảo thần xuất. Còn ông ta chế nhạo giấu cột mấy phen cũng không khuất phục được. Lục Tu Tĩnh không còn gì biện bạch nên đành rút lui... Ngài mất vào giữa niên hiệu Vĩnh minh nhà Tề, thọ trên sáu mươi tuổi.

THÍCH HOÀNG SUNG

Ngài là người Lương châu, tuổi nhỏ mà có chí khí, thông thạo kinh luật và Lão trang. Cuối niên hiệu đại minh, Ngài sang Giang châu ở chùa Đa Bảo, có tài văn nạn. Đầu tiên chiết phục được Đạt-đa, sau đó mở hội giảng thuyết, tranh biện theo nhau nổi lên. Tư duy của Ngài đã thấm thấu lẽ huyền vi, khẩu hí lại sắc bén. Thông mối nghi thác mọi ngăn trệ. Nên mỗi lần giảng Pháp Hoa Thập Địa thì thính giả chật giảng đường. Văn Hiến Vương ở Giang Hạ là Thái Tổ nhà Tống, rất cung kính và tôn trọng Ngài. Khi Minh Đế lên ngôi liền khởi công xây chùa Tương Cung, thỉnh Ngài làm Cương lãnh, thế là Ngài dời về đó ở. Vào thời ấy chùa Tương Cung lại có vị tỷ-kheo Pháp Tiên cũng là bậc thông triệt có chí khí, nổi tiếng ngang hàng như ngài Hoàng Sung.

Hoàng Sung thị tịch vào giữa niên hiệu Vĩnh minh nhà Tề, thọ bảy mươi hai tuổi, chú giải kinh Văn-thù vấn Bồ-đề và Thủ Lăng-nghiêm.

THÍCH TRÍ LÂM

Ngài là người Cao Xương, lúc mới xuất gia làm đệ tử ngài Tăng Lương. Tuổi tuy còn nhỏ mà đã sùng lý và hiểu học. Lúc đầu khăn gói sang Trường An rồi chống tích đến Giang Dự. Tóm thâu tất cả kinh sách, rất giỏi về Tạp Tâm. Cho đến khi Ngài Tăng Lương bị tấn xuất, hai mươi vị đệ tử đều theo Ngài đến Thông Lĩnh, bèn ở trọ tại Chung Phiên, hoá đạo ở eo biển. Đến đầu niên hiệu Tống minh, vua sắc lệnh người bản xứ ấy cung cấp lương thực cho người rước Ngài về kinh sư ở chùa Linh Cơ thuyết pháp liên tục, thỉnh chúng cảm phục rất đông. Ngài nói rõ nghĩa nhị đế có ba tông không đồng. Lúc đó Nhữ Nam Chu Ngung cũng trước tác bộ Tam Tông Luận, và rất phù hợp với ý của ngài Trí Lâm nên Ngài rất vui mừng đồng thời gửi thư đến nói với Chu Ngung rằng: Đạo này nghe tin đàn việt trình bày ý mới của nhị đế, tường thuật vấn đề thủ xả của tam tông. Tuy sự thăng tiến không nhanh, như thiếu ý của bản đạo, là lý lẽ của thiên hạ, chỉ có như vậy mới được, còn không thì trái lý. Vì vậy chúng ta cùng khuyến khích hãy sớm cầm bút mực để sáng tác. Tỷ như người qua lại hay tin bộ luận này đã hoàn thành thì họ đều phấn khởi tràn đầy và vô cùng kính trọng. Còn như đàn việt sợ lập dị và can phạm tới học giả đương thời mà chế luận thì tuy thành công mà không cần xuất bản. Nghe vậy hoảng sợ giật mình thức giấc. Chí thú này dường như chẳng phải mới đặt ra. Trong diệu âm tuyệt cả sáu mươi bảy năm. Lý Cao thường vận chẳng thể truyền. Lúc bản đạo hai mươi tuổi đã hiểu sơ được nghĩa này, luôn cho rằng nhờ vào ý mẫu nhiệm đó mà có thể đắc đạo. Thật mừng thầm mà không biết hỏi han ai. Thời niên thiếu đến tham báic bậc lão túc ở Trường An, nhiều vị nói ở Quan Trung có rất nhiều bậc cao tăng kiệt xuất đã thành thạo những nghĩa này. Cho nên đạo pháp đương thời thật hưng thịnh. Ai có thể thấu đạt được nghĩa này thì chẳng bao nhiêu người phạm phải thường tình. Hàng hậu tấn lãnh thọ được thật ít. Truyền sang Giang Đông thì con đường này chẳng có ai. Bản đạo cầm phát trần đã hơn bốn mươi năm. Đông Tây giảng thuyết được khen tặng một thời. Những nghĩa còn lại thì hãy tìm kiếm trong tông lục. Nẻo đường sáng tối này chẳng người nào được, bản đạo nhiều năm nghiên cứu đến nỗi phát bệnh. Sức khỏe suy yếu, thọ mạng gần kề, lại thêm đêm ngày ngóng tưởng về tây. Song chỉ có con đường này từ xưa nay bật dứt ngôn ngữ. Đàn việt là bậc thiên cơ phát siêu tuyệt không ai bằng. Vô ý những tiếng tạp nhạp này lọt vào tai thì vừa vui mừng vừa tủi, thật không có gì để thí dụ. Ngài phát

minh ra nghĩa này khiến cho ngọn đèn chánh pháp không bao giờ tắt. Đó mới đúng thật là công đức hành đạo bậc nhất. Tuy đem quốc thành thê tử cúng cho Phật và tăng thì cũng không sánh được với phước đức giải nghĩa kinh. May mắn thay Ngài đã trình bày rõ ràng. Tôi khỏi phải đem diễn bày rộng khắp để khiến cho người biết đánh giá, thấy được luận rõ về lý pháp thì sẽ không còn nhân nhượng. Đâu được nướu tiếc rồi trong lòng nghĩ rằng mất đi điều kỳ thú ư. Nếu như luận này hoàn thành rồi thì cứ ngủ yên. Ngại rằng đàn việt mới đến hoặc cho rằng ở đây là chướng ngại lớn, những lời gởi đến bằng lòng thành khẩn và chẳng phải là hý luận cậ. Mong Ngài viết thêm một quyển để làm lợi ích cho mọi người. Bản đạo mang về Tây để truyền bá khắp nơi, ít nhất thì cũng lay chuyển được lòng người. Cho nên khi vào núi sẽ lấy những điều hằng mong mỏi trao cho. Chu Ngung nhân đó mà cho xuất bản luận. Cho nên yếu chỉ tam tông được truyền đến hôm nay.

Ngài Trí Lâm thân cao tám thước, dáng vẻ nho nhã đạo mạo. Khi đăng đàn lời lẽ hùng hồn, đối đáp trôi chảy. Sau đó từ giả về Cao Xương Ngài thị tịch vào niên hiệu Vĩnh Minh thứ 5 nhà Tề, thọ bảy mươi chín tuổi. Trước tác Nhị Đế Luận và A-tỳ-đàm Tạng Tâm Ký, đồng thời chú giải Thập Nhị Môn Luận, Trung Luận v.v...

THÍCH PHÁP VIỆN

Ngài họ Tân người Lũng Tây là hậu duệ của Tân Tỳ. Anh cả là Nguyên Minh Sĩ làm quan đại thượng thư cho nhà Ngụy. Người anh hai là Pháp Ái cũng làm Sa-môn, là người thông đạt kinh luận và số thuật, làm quốc sư của nước Nhuế nhuế. Hưởng bổng lộc đến ba ngàn hộ. Ngài tuy tuổi còn nhỏ mà có những cử chỉ khoáng đạt, lỗi lạc hơn người. Giữa đường gặp người đói rét Ngài bèn cởi áo cho họ. Ban đầu xuất gia thờ Sa-môn Trúc Tuệ Khai ở Lương châu làm thầy. Ngài Tuệ Khai là một bậc đức tốt, thông thái. Người bấy giờ cho rằng Ngài đã chứng sơ quả. Ngài bảo Pháp Viện rằng: Con thần ngộ như vậy, nhất định sẽ làm bậc mô phạm cho hậu lai. Con hãy cố gắng học rộng, nghe nhiều đừng tự thoả mãn với hiểu biết sẵn có của mình. Thế là Ngài từ giả thầy đi du học. Trải qua các nước Yên, Triệu rồi đến Nghiệp Lạc gặp phải giặc Hồ tung hoành, Quan Lũng rối loạn. Ngài Pháp Viện vượt qua mọi nguy hiểm gian nan để tới luyện đạo nghiệp không phút lười

mỗi. Vào niên hiệu Nguyên Gia thứ 15 Ngài trở về Lương châu để đến thành đô. Sau đó về phương Đông đến Kiến Nghiệp, y chỉ Đạo Tràng Tuệ Quán làm thầy. Chuyên lòng học Đại Thừa, nghiên tầm Số luận, ngoại điển, sách vở cũng lật xem. Sau đó vào Lô Sơn chuyên tu thiền, chuyên lòng nơi ngũ môn, chú tâm vào tam quán. Chẳng bao lâu thứ sử Dữu Đẳng Chi thỉnh xuống núi giảng nói. Văn Đế phỏng tìm người kể về nghĩa đốn ngộ của Đạo Sinh. Bèn ban chiếu thỉnh Ngài về thành đô. Ý chỉ đốn ngộ này khẳng định lại triều đại nhà Tống. Hà Thượng Chi biết vậy bèn khen rằng: Tôi cứ nghĩ ngài Đạo Sinh diệt độ thì những lời mầu này sẽ vĩnh viễn mất đi. Vậy mà hôm nay lại nghe được những lời này thật ngoài sức tưởng tượng. Có thể nói trời chưa chôn đi những bậc tài hoa kia. Vua sắc phong Ngài làm thầy năm giới cho Nam Bình Mục Vương Lạc. Cho đến khi Hiếu Vũ đăng vị, phong Ngài kết bạn với Tây Dương Vương Tử Thượng, Ngài từ chối vì bệnh không kham được, rốt cuộc cũng được khỏi. Nhân đó ở trên Lư Sơn, Ngài chú giải các kinh Thắng Man và Vi Mật Trì. Lúc rảnh rỗi thì luận bàn về việc tang phục trong Hiếu kinh. Sau này chùa Thiên Bảo được sửa chữa lại và thỉnh Ngài về ở. Ngài đành từ giả núi rừng về Ấp để gìn giữ kỷ cương của chùa. Thứ sử Vương Cảnh Văn đến thăm gặp ngay lúc Ngài đang giảng về việc tang phục. Ông hỏi đáp mấy phen và còn khen ngợi Ngài giảng rất hay. Cho đến khi Minh Đế cho xây chùa Tương Cung vừa xong thì liền mở một đại hội giảng pháp có tính quy mô để tinh chọn những bậc tăng anh tài. Vua mời Ngài làm pháp chủ, đồng thời đích thân vua giảng lâm đến pháp hội. Công khanh cũng tụ họp, nhất thời người xem ngồi chật giảng đường.

Sau này Tề Văn Tuệ lại thỉnh Ngài ở chùa Linh Căn. Vì chuyển đến chùa kia nên thái úy Vương Kiệm Môn không giao tiếp với ai, chỉ tiếp đãi Ngài như thầy. Nói năng cũng rất kính trọng. Ngài thị tịch vào niên hiệu Vĩnh minh thứ 7 nhà Tề, thọ tám mươi một tuổi.

Thời đó tại chùa Linh Căn cũng có hai vị Pháp Thượng, Trí Hưng đều là những vị bác thông kinh luận, mấy lần chủ trì buổi thuyết giảng.

Ngài Pháp Thượng có sở trường về kịch nói, làm cho những người nổi tiếng đương thời nể sợ, song tánh tình rất ương ngạnh, không thích giao du với thế tục.

THÍCH HUYỀN SỬNG

Ngài họ Triệu người Kim Thành, Hà Tây. Thuở nhỏ gia đình Ngài bị Hồ Lỗ chém giết, tai hoạ sắp ập đến Ngài, chủ soái của Lỗ thấy Huyền Sướng mà dừng lại nói với ông rằng: Cậu bé này ánh mắt sắc bén như bậc phi phạm. Nên Ngài khỏi mắc hoạ. Sau đó Ngài đến Lương châu xuất gia. Pháp danh đầu tiên là Tuệ trí. Sau đó gặp ngài Huyền Cao và thờ Ngài làm thầy. Huyền Cao rất mến trọng Ngài nên có Pháp sư gì cũng thảo luận với Ngài. nhân đó mà đổi tên là Huyền Sướng, để biểu thị ý chỉ phó chúc. Sau này bọn rợ địch bạo ngược huỷ diệt Phật pháp. Chỉ có ngài Huyền Sướng được thoát khỏi.

Vào ngày 17 tháng 5 nhuận năm 22 Nguyên Gia. Bắt đầu từ Bình Thành, đường men theo Đại quận, Thượng Cốc, từ miền Đông vượt qua Thái Hành, đường đi qua U Ký. Từ miền Nam đi dần lên Mạnh Tân. Tay chỉ cành mầm một cành dương và một cọng lá hành. Hồ Lỗ cỡi ngựa theo sắp kịp Ngài. Ngài bèn lấy cành dương chọc xuống cát, cát tung lên tới trời, thế là cả người lẫn ngựa không thể chạy được. Chốc lát cát hết thì Hồ Tổ cỡi ngựa đi nữa. Ngài bèn nhảy xuống sông chỉ lấy cọng hành đút vào mũi để thở và lội qua sông. Vào mùng 1 tháng 8 Ngài đến Dương châu. Thấu suốt kinh luật, thâm nhập thiền yếu. Chiêm bói kết hung đều thật linh nghiệm. Ngài còn thông thạo mọi kinh điển của Khổng tử. Những tuyệt kỹ ở thế gian thật hiếm có điều nào Ngài không biết. Ban đầu đại bộ Hoa Nghiêm văn nghĩa dài dòng rộng nhiều bởi từ xưa đến nay chưa ai diễn giải cho cô động. Ngài Huyền Sướng bèn dốc lòng nghiên tâm để trình bày rõ ràng từng chương, so sánh câu rồi chuyển giảng cho đến nay, mà người đầu tiên là ngài Huyền Sướng vậy.

Ngài còn rất giỏi về Tam luận, được học giả tôn sùng. Tống Văn Đế càng tỏ ra tôn trọng sâu sắc hơn, thỉnh Ngài làm thầy cho thái tử. Ngài từ chối đôi ba lần, đệ tử Ngài nói: Điều mà Pháp sư muốn là hoàng đạo, cứu người, rộng tuyên danh giáo. Nay Đế Vương đã quên mình mà thỉnh cầu, Hoàng Thượng tích chứa lễ nghĩa trong tâm, nếu đạo được xiển dương, thánh được ân sủng thì khắp nơi quay về nương đức độ. Nay tướng Kiểu Nhiên Cao Hộ chẳng phải Thanh văn sao.

Ngài Huyền Sướng nói: Điều này có thể nói với người trí chứ không nói với kẻ phạm phu. Đến niên hiệu Thái Sơ xảy ra chuyện thì mới biết bậc tiên giác vốn như vậy. Ngài bèn dời về ở Kinh châu trong chùa Trường Sa.

Bấy giờ Sa-môn Công Đức cho xuất bản ngay bản kinh Niệm Phật Tam-muội. Ngài Huyền Sướng chỉnh sửa lại văn tự, nghĩa từ cho lưu loát. Ngài duỗi tay thì có mùi thơm bay ra, trong bàn tay có nước chảy ra nữa, chẳng ai đoán nổi. Cho đến năm cuối đời nhà Tống, Ngài bèn cưỡi thuyền vượt muôn ngàn dặm đến thành đô. Lúc đầu ở chùa Đại Thạch, rồi vẽ mười sáu tượng thần như Kim Cương, Mật tích v.v... Đến niên hiệu Thăng Minh thứ 3 Ngài lại về phương Tây chiêm ngưỡng Mân Lĩnh. Rồi đến huyện Quảng Dương miền bắc quận Mân Sơn để xem núi Tề Hậu. Và bèn có ý muốn ở lại đó đến cuối đời. Thế là Ngài bèn tựa vào vách núi kết cỏ làm am. Đệ tử Pháp Kỳ thấy vị thần cõi ngựa mặc áo đơn màu xanh, đi vòng núi một bận rồi trở lại chỉ chỗ để xây tháp. Vào ngày 23 tháng 4 năm đầu Kiến Nguyên nhà Tề, Ngài xây dựng chùa đặt tên là Tề Hưng. Chính là Tề Thái Tổ nhận được thần "tích mạng". Người thời ấy cho rằng sự việc vạn dặm huyền hợp. Khi ấy Phó Đàm Tây trấn thủ Thành đô kính trọng phong cách đạo đức của Ngài, tiếp đãi kính trọng như thầy. Sau khi ngài Huyền Sướng xây chùa, Ngài bèn gửi thư đến nói với Đàm rằng: Bản đạo ở Kinh châu nhiều năm suy yếu, bệnh sỏi phát khởi hoành hành làm chết nhiều người. Cho nên từ nơi xa xôi đến nương xứ Mân Sơn để chọn mảnh đất này. Ở miền đông Quảng dương cách kinh thành ngàn dặm. Băng ngàn vượt núi quanh năm suốt tháng, từng dãy núi điệp điệp trùng trùng, thương nước nhớ thành vọng về tam phương. Băng núi trèo đèo vượt qua khắp nơi ngắm nhìn cứu lưu. Vào ngày 23 tháng 2 năm ngoái khởi công thật nhiều. Mùa đông năm trước đến nay tìm kiếm được ngày này, chính là giờ Thìn Long phi của Bộ Hạ. Từng nghe: Đạo phối hợp với thái cực thì điềm lành tự hiển hiện. Đức đồng với nhị nghi thì thần ứng ắt tỏ lộ. Cho nên ở Hà Lạc sáng rực điềm nhà Chu. Linh Thạch biểu trưng điềm nhà Đại Tấn. Ấn phục những điều linh nghiệm trong núi này. Há chẳng phải điềm linh ứng của vua Tề sao. Tấm lòng Đàn việt phụng thờ đất nước thật sâu xa, cho dù thời thế đổi thay cũng không thể nào quên được, đâu thể bỏ sót việc lơ là núi non. Khen ngợi một phen để tỏ lòng của ngu bào.

Tán rằng: Núi Nga Mi ở Tề. To lớn lại thâm u. Ấn tàng điềm lành bao đời, để hiệu vẫn sáng. Non sơn đội chữ thánh. Triệu làm vua hừ danh, núi đỡ vầng mây. Phong nhạc xa xăm. Quy nham nghĩ sát, băng qua phong lãnh để sáng lập kinh, ngày khởi công. Rồng bay lên tử đỉnh, làm bạn với trời đất, bốn biển đều yên bình, trọn ngày an vui, đức cả biểu lộ, Phó Đàm liền thuật đủ lên vua. Vua sắc lệnh thưởng cho Ngài hưởng lộc trăm hộ. Vương Nghi ở Dự Chương là quan võ vua Tề trấn

nhậm Kinh Hiệp sai người đến nghinh thỉnh Ngài. Bang chủ Thổ Cốc Hồn ở Hà Nam đoái lòng kính mến, từ nơi xa xôi cỡi ngựa mấy trăm dặm đến Tề Sơn. Gặp lúc Ngài đi phó hội ở Ba Đông nên không gặp được. Cho đến khi Tề Vũ lên ngôi, quan tư đồ Văn Tuyên Vương khải thỉnh Ngài từ Giang Lăng trở về kinh sư. Văn Tuệ thái tử lại sai người đến nghinh đón. Vua sắc lệnh nhiều lần, Ngài cố từ chối vẫn không khỏi. Bấy giờ du thuyền xuôi về đông. Giữa đường phát bệnh nên phải mang bệnh về kinh. Chẳng bao lâu mọi chướng ngại tiêu tan. Ngài ở tại chùa Linh Căn một thời gian ngắn ngủi thì viên tịch. Thọ sáu mươi chín tuổi, vào ngày 16 tháng 11 niên hiệu Vĩnh Minh thứ 2 nhà Tề. Sau đó an táng tại gò Chung phía trước núi Độc Long, Hiến Vương ở Lâm Xuyên lập bia. Chu Ngung ở Nhữ Nam chế văn.

THÍCH TĂNG VIỄN

Ngài họ Hoàng, người ở Trùng Hợp, Bột Hải. Trước đây Ngài là Hoàng Phổ ở phương Bắc. Sau này lánh nạn ở Hải Ngung cho nên bỏ chữ Phổ giữ lại chữ Hoàng. Thuở nhỏ Ngài rất mộ đạo. Năm lên 16 tuổi thì xuất gia, cha mẹ không cho phép. Vì thế Ngài bèn ăn chay sám hối tụng kinh đêm ngày liên tục. Năm mười tám tuổi mới được nhập đạo. Thời ấy có vị Sa-môn Đạo Tuệ là một bậc tài cao đức trọng, vang dội khắp thiên hạ. Tăng Viễn theo Ngài tu học, thông suốt số luận, thấu triệt kinh Đại Tiểu Thừa. Vào giữa niên hiệu Đại Minh nhà Tống, Ngài sang sông ở chùa Bành Thành. Vào khoảng giữa niên hiệu Thăng Minh, Ngài ở Tiểu Đan Dương Ngưu Lạc Sơn lập tịnh xá Long Uyên, năm đó Ngài ba mươi một tuổi. Lúc đầu Ngài ở chùa Tôn Thái Thanh châu.

Khi đến miền Nam giảng pháp, nói năng lưu loát, phong cách nghiêm chỉnh. Thính chúng hơn bốn trăm người ai cũng hoan hỷ tin phục. Vương Tăng Đạt người Lang Da vốn là bậc sang trọng tài ba đương thời. Vậy mà khâm phục phong cách của Ngài nên thỉnh về ở chùa Chúng Tạo. Ngài hay cứu kẻ nghèo, giúp người thiếu thốn, thân không tích chứa tài sản. Bấy giờ, có tỳ-kheo Huyền Thiệu, thường cung cấp tiền bạc Ngài từ chối không nhận, có lần Ngài đi Thanh viên, ở đó có người mắc bệnh đậu mùa, người thương cảm và đến đó thăm. Ngài thấy thi thể người bệnh nằm la liệt, chẳng ai dám gần. Ngài càng thương xót hơn và không nỡ bỏ đi. Đồng thời bảo người tẩn liệm người chết và an ủi người sống, Ngài biểu hiện ân cần như người thân của Ngài.

Tống Tân An Hiếu Kính Vương Tử Loan bị mất mẹ đẻ, nên ông kính trọng quý phi và lập chùa Tân An. Ông ra lệnh chọn ba châu chiêu tập bậc anh tài thông triết. Ngài Tăng Viễn cùng với Pháp Dao ở Tiểu sơn, Hiển Lượng ở Nam Nhân đều được triệu tập. Các vị ấy đều thỉnh ngài Tăng Viễn làm nguyên thủ.

Vào tháng 9 niên hiệu Đại Minh thứ 6 hữu ty tâu rằng: Thần nghe thúy cung ngưng cư há chẳng to lớn, chấp tay quỳ lạy há chỉ cung kính. Hãy đặt tứ duy để chế ra tám quy ước. Cho nên pháp, Nho tuy chia phe phái, Danh Mặc phân dòng, phái, đến nổi sùng bái một cách mù quáng. Thiếu văn minh mất thẩm mỹ. Chỉ có Phật giáo là giáo pháp truyền đến phương xa, xuất phát từ hoàng cung (dòng dõi vua chúa) tông chỉ sâu mầu, lời nhẹ nghĩa sâu xa. Chấp văn thì ngăn đạo, đời mạt thế càng thêm nhiều. Đến nỗi vượt qua kinh điển, coi thường tôn thích. Làm mất đi dấu vết kỳ diệu của nhiều phương, mê mờ vẻ đẹp kín đáo của chế hóa. Luận về Phật pháp thì lấy sự khiêm nhường, kính trọng, tôn trọng người để nuôi lớn đức minh, trung thành, bền chí làm đạo. Bất Khinh tỳ-kheo gặp ai cũng lễ bái. Mục Liên tang môn gặp bậc trưởng thượng thì lễ lạy. Đâu có kẻ nào quỳ gối lễ bậc tứ bối mà lơ là với song thân. Đánh lễ bậc kỳ túc mà thẳng lưng với vua chư hầu. Cho nên việc đó Hàm Khang khai sáng bàn bạc, Nguyên Hưng chế dịch ra. Sự thì làm khuất phục kẻ thiên kiến. Đạo thì thanh trừ những phần dư thừa. Nay nguồn cả tẩy sạch các dòng cho lưu thông, trong trời Cửu thiên hiến vật báu, bách thần theo trông nom. Mà trong chốn kinh kỳ cũng dung chứa bọn lưu manh. Giữa thần toà lại tiếp khách để đối lễ. Sợ rằng chẳng thể thanh trừng một phong phạm để làm sáng tỏ cảnh quang vậy. Chúng thần tham luận cho rằng Sa-môn y theo luật lệ của thế gian thì triều huy mới có trật tự từ chốn gần đến xa. Vua tuy hỏi tín pháp nhưng trong lòng vốn sẵn ngạo nghễ. Cho nên ngày nhận được tấu sớ ông liền cho ban hành và áp dụng.

Ngài Tăng Viễn than rằng: Tôi cạo tóc làm Sa-môn là vì việc xuất gia cầu đạo, đâu có can dự gì đến đế vương. Bắt đầu từ hôm đó Ngài cáo bệnh mà ở ẩn trên Định Lâm Sơn. Đến giữa niên hiệu Cảnh Hoà thì pháp chế này được bãi bỏ. Vẫn thực hành hiến chương cũ. Sau đó Tống Minh lên ngôi thỉnh ngài Tăng Viễn làm thầy. Nhưng rốt cuộc cũng không được, những ngày cuối đời Ngài làm khách ở ẩn cư núi rừng. Những kẻ cao ngạo chọc trời cũng nối nhau tìm về sơn môn, tỏ lòng sùng kính thiên thất. Hà Mặc ở Lô Sơn, Chu Ngung ở Nhữ Nam, Minh Tăng Thiệu ở Tề quận. Ngô Bao ở Bộc Dương, Trương Dung ở

nước Ngô đều quên thân quỳ lạy Ngài và tham vấn về giới phạm của Ngài. Sau này Vương Cảnh Tố Tổng Kiến Bình đặt tên chùa là Tướng Huyền Tự, là bước mở đầu của Tiên Vương Kinh, đó đều là những việc ngoài sự tưởng tượng của con người.

Vua muốn thỉnh Ngài về ở, ông tha thiết khẩn cầu đôi ba lần nhưng Ngài không xuống núi. Khi Tề Thái Tổ sắp đăng vị vào núi tìm Ngài, nhưng Ngài cáo bệnh không tiếp. Thái Tổ đích thân đến đánh lễ, thăm hỏi và an ủi. Và cho đến khi lên ngôi lại xa giá đến phòng Ngài, song vì phòng chật hẹp không chứa kiệu cán. Thái Tổ sắp chạm mặt Ngài nhưng Ngài vẫn ngồi yên không động. Thái Tổ tới thăm hỏi làm cho Ngài ngồi dậy rồi sau quay gót mà đi. Ngài Tăng Viễn vẫn luôn không mãn đến điều đó. Cho đến khi Ngài hết bệnh, Văn Tuệ, Văn Tuyên đều quy phục lễ Ngài làm thầy, thường xuyên lui tới thăm viếng. Thế là công khanh sĩ thứ tới lui không ngớt. Ngài Tăng Viễn ăn chay hơn năm mươi năm, uống nước suối hơn hai mươi năm. Rong chơi trong vườn pháp, hoài tưởng thế giới xa xăm, dần bước lên sơn môn, lộ rõ nét vắng vẻ...

Ngài thị tịch ở chùa Định Lâm Thượng vào tháng giêng năm thứ hai Vĩnh Minh nhà Tề, thọ bảy mươi một tuổi. Vua gửi thư cho Sa-môn Pháp Hiến và nói rằng: Hay tin ngài Tăng Viễn trở về vô thường trong đêm đệ tử đã biết. Ngài ra đi như vậy nhất định sẽ đến chốn lành. Chư vị bất nhất dừng nên đau buồn nữa. Đợi vài ba hôm tôi đến thăm Pháp sư mới có thể kể rõ diêm lành trong mộng. Nay việc làm là tạo công đức để trợ giúp Ngài ra đi thanh thoi hơn. Rồi kể đó Lăng Văn Tuyên Vương cũng gửi thư đến nói: Pháp sư Tăng Viễn nổi tiếng đức độ một thời, chí tiết thanh cao. Ẩn cư trong núi rừng mà tiếng tăm, vang lừng bốn bể. Đệ tử mê mờ, lầm lẫn đối với bậc thầy mô phạm. Vừa muốn đến kính phụng nhân hoá để gột sạch phiền lo, không ngờ bệnh này phút chốc đã cướp đi thầy. Nỗi thương tâm không gì tả xiết. Ngài ra đi bằng hạnh nghiệp tròn sáng, ắt cũng nhờ nhiều kiếp huân tu. Ý đệ tử không muốn di hình ảnh tích của Ngài nằm chung trong phần mộ của chư tăng. Mà ý muốn chọn một phần đất đặc biệt khác để dựng tháp thờ Ngài. Rồi ứng theo cây cối, đất đai để biểu trưng sự kỳ vĩ đó, đồng thời khắc bia để ghi công đức của Ngài. Mộ phần được xây ở hướng Nam quả núi, đồng thời lập bia ca tụng đức hạnh. Thái úy Lang Da là Vương Kiêm viết văn. Lúc đó tại chùa Định Lâm Thượng lại có các vị Pháp Lệnh, Tuệ Thái đều là những bậc thông thạo kinh luận, và kế tục tiếng tăm của Ngài.

THÍCH TĂNG TUỆ

Tục danh của Ngài là Hoàng Phủ, người Triều Na, An Định. Con cháu của Cao sĩ Mật, trước đây lánh nạn rồi ngụ ở Tương Dương, dòng dõi đời đời làm quan. Ngài Tăng Tuệ thuở nhỏ xuất gia thờ ngài Đàm Thuận làm thầy. Ngài Đàm Thuận là đệ tử của Tổ Tuệ Viễn ở Lô Sơn. Vốn đã có tiếng tăm nên ngài Tăng Tuệ từ lúc vào nương nấu thầy bắt đầu chuyên tâm đến nghĩa học. Đến năm hai mươi lăm tuổi có thể giảng Niết-bàn, Pháp Hoa, Thập Trụ, Tịnh Danh, Tạp tâm....

Ngài có một trí nhớ rất tốt, không quên đến phó giảng. Hơn nữa văn cú, biện chiết lưu loát, trôi chảy. Ngài còn tinh thông Lão Trang và làm thầy của tây học. Ngài Tông Bình, Lưu Cù ... là bạn hữu của Ngài. Tông Bình luôn khen rằng: Pháp luân ở Tây Hạ không ngừng chuyển là do ngài Tăng Tuệ vậy. Trương Sướng người nước Ngô đi về phương Tây bèn đến thăm ngài Tăng Tuệ và thỉnh Ngài kết giao với mình.

Nhà Tề đầu tiên sắc phong Ngài làm tăng chủ ở Kinh châu, phong thái nho nhã thuận đạo hợp đời. Công lao giúp ích ngày một vang xa. Đến tuổi xế bóng Ngài thường đi xe kiệu để phó giảng. Người xem đều gọi là quan gia tọc đầu. Ngài cùng thời với Huyền Sướng, thời đó người ta hay gọi là hai vị hào kiệt áo đen. Ngài mất vào năm thứ 4 Vĩnh Minh nhà Tề thọ bảy mươi chín tuổi. Sau này có vị tăng Thích Tuệ Sướng cũng là người ngay thẳng, liêm khiết tiếp tục phát huy sự nghiệp của ngài. Đệ tử của Ngài Tăng Tuệ là Tăng Tụ cũng là người nổi tiếng về học thuật, nỗ lực chuyên cần đến nỗi phát bệnh huyết rồi mất đi.

THÍCH TĂNG NHU

Ngài họ Đào người Đan Dương, tuổi còn nhỏ đã sẵn có tính liêm khiết ngay thẳng, và có chí xuất trần. Năm lên chín tuổi theo chú du học, gia cảnh nghèo túng, rau lê rau hoắc không đủ no lòng. Mà sự dốc chí khó khăn tột cùng vẫn không đổi. Sau đó xuất gia làm đệ tử của Ngài Hoảng Xưng. Ngài Hoảng Xưng họ Lữ, người Lâm Vị, Lạc dương. Học thông kinh luận, nổi tiếng rất sớm. Từ khi Tăng Nhu kính phục Ngài trở về sau thì càng tinh nghiêm giới phẩm, chuyên tâm nơi thiền tuệ. Các bộ kinh Đại Tiểu Thừa phương đẳng Ngài đều thông suốt đến chỗ huyền vi, quán triệt mọi tông yếu. Tuổi vừa đến hai mươi đã có khả

năng thăng toà thuyết pháp. Những bậc danh sĩ nổi tiếng đương thời đều đổ xô về phương Bắc. Sau đó Ngài về phương Đông đến Vũ Huyệt gặp Pháp sư Tuệ Cơ mời về thành Bàn tự giảng luận suốt mùa hạ. Sau đó đến núi Bạch, ở Diệm nơi chùa Linh Thứu. Trong đêm Ngài chưa đến, Sa-môn Tăng Trữ mộng thấy thần như cầm cờ đỏ giáp trắng đi ra đầy cả núi. Tăng Trữ hỏi vị ấy thì họ bảo: Pháp sư sắp vào cho nên tôi đến nghinh tiếp. Sáng hôm sau thị giả vào báo quả đúng là Tăng Nhu đến. Sau đó Ngài tu bổ sơn lại sơn môn và có ý ở đó suốt đời. Những kẻ Phu kinh học đạo ngày càng đông đảo. Lúc Tề Thái Tổ mới khai sáng cơ nghiệp, cho đến ngày Thế Tổ nối tiếp cơ đồ đều kiến lập chiêu đề. Khấp cầu nghĩa sĩ, vì Ngài tăng Nhu vốn có danh tiếng, cho nên Ngài được gởi thư đến thỉnh. Văn Tuyên Đế và các vương hầu đến triệu thỉnh đôi ba lần Ngài mới ra kinh sư ở chùa Định Lâm. Ngài là một bậc thầy siêu quần nên khắp nơi xa gần đều kính phục như thần và tán thán mỹ đức của Ngài. Văn Tuệ, Văn Tuyên đều khâm phục và vào thất Ngài tham kiến.

Ngài Tăng Nhu là một vị mô phạm về giới đức mà trong tông môn chẳng ai sánh nổi. Ngài thường thệ sanh về nước An dưỡng. Mỗi khi thấy vầng hào quang hiện ở hướng Tây thì Ngài bèn đoan nghiêm chấp tay lại. Đến ngày lâm chung, thân thể không hề bệnh tật, chỉ bảo với đệ tử rằng: ta phải đi thôi. Ngài vẫn trải chiếu trên đất một lòng thành khẩn hướng về Tây, rồi lạng lẽ thị tịch. Năm ấy vào niên hiệu đầu Diên Hưng, thọ sáu mươi bốn tuổi. Chúng an táng Ngài ở Sơn Nam. Sa-môn Thích Tăng Hựu cùng với Ngài từ nhỏ lớn lên ở Sơn Thê. Ở chung nhiều năm để trưởng dưỡng đạo tâm, dự nghe pháp vị. Ngài được lập mộ bia, Đông Hoàn, Lưu Lệ chế văn.

Ngài Tăng Nhu có đệ tử là Tăng Thiệu cũng là bậc chánh trực có học thức. Lúc đó ở Chung Sơn có tịnh xá Sơn Tỳ cũng có các vị Tăng Hiệu, Tuệ Hi đều là những bậc trẻ tuổi tài cao, ấu niên anh tài. Và cũng là những vị mỹ nghiệp chưa thành tựu mà đã mất sớm. Ngài Tăng Hiệu soạn Thất Huyền Luận. Nay còn lưu hành ở đời.

THÍCH TUỆ CƠ

Ngài họ Lữ người Tiều Đường nước Ngô. Thuở nhỏ đã thần khí thoát tục, cơ ngộ hơn người. Lúc đầu theo Pháp sư Tuệ Nghĩa ở Kỳ-

hoàn. Đến năm mười lăm tuổi, thầy rất mến thần thái của Ngài nên khẩn cầu Tống Văn Đế cho Ngài xuất gia. Văn Đế tiếp kiến và chấp nhận lời thỉnh cầu. Vua liền sắc lệnh lập hội xuất gia ở chùa Kỳ-hoàn, đồng thời ngày đó cũng xa giá cùng với quan khanh sĩ thứ dự hội. Ngài Tuệ Cơ đã dốc lòng vào pháp nên chuyên tinh cần mẫn. Học suốt đêm ngày, thông suốt các kinh. Sau đó có Pháp sư ở Tây Vực tên là Tăng-già Bạt-ma đến nước Tống để hoàng dương Thiên Luật. Ngài Tuệ Nghĩa bảo Tuệ Cơ vào thát vị Tăng ấy để làm thị giả. Năm tròn hai mươi tuổi Ngài qua Thái châu thọ đại giới. Ngài Bạt-ma bảo Tuệ Cơ rằng: Ông sẽ là Đạo Vương ở Giang Đông không nên ở lâu nơi kinh ấp. Thế là trong bốn năm năm Ngài vân du khắp nơi để tầm sư học đạo. Ngài rất tinh thông các bộ tiểu phẩm Pháp Hoa, Tư Ích, Duy-ma, Kim Cang, Bát-nhã, Thắng Man v.v... những bộ này Ngài đều nghiêm cứu sâu xa lẽ nhiệm màu và thấu tột chỗ tinh vi sâu kín.

Đặt chương so sánh câu làm tỏ rõ ý kinh từ xa xưa. Thầy của Tuệ Cơ là Tuệ Nghĩa, đức hạnh nhiếp cả tông vật, đạo nghĩa bao trùm kinh đô. Thế nên công khanh sĩ thứ quay về nương tựa, tứ sự dồi dào. Vì đức hạnh của Tuệ cơ rất xứng nên Ngài bắt về ở chung. Cho đến khi Ngài mất tư sản, vật chất còn nhiều vô số. Theo pháp chế Ngài được phân nửa, thế là Ngài đem ra làm việc phước thiện hết. Chỉ lấy bộ y bát thô củ, đem về phương Đông ở Tiền Đường trong chùa Hiển Minh. Chẳng bao lâu thì Ngài đến Cối Kê, vẫn ở chùa Pháp Hoa, Sơn Âm. Những kẻ chuộng học lần lượt tìm về vấn đạo. Bấy giờ Ngài vân du khắp vùng Tam Ngô để tuyên dương giáo pháp. Học đồ tìm về cả ngàn người. Tống Thái Tông phái người đến nghinh thỉnh nhưng Ngài cáo bệnh không đi.

Vào giữa niên hiệu Nguyên Huy vua lại hạ chiếu trưng thỉnh. Ngài mới đi đến Chiết thủy thì lại phát bệnh nên phải trở về. Lúc này Ngài cho lập tịnh xá Bảo Lâm ở Quy Sơn Ấp Hội. Tay xếp gạch đá, đích thân chỉ huy. Bắt giáo, lập đàn trên vách cheo leo, Ngài tạo mẫu giống hình núi. Ban đầu xây ba tầng nhưng vì thợ xây vụng về nên sau đó trời sấm sét làm đổ hết, thế là phải tu bổ lại. Cho đến lúc thành vô cùng mỹ lệ. Ngài Tuệ Cơ có lần mộng thấy Phổ Hiền, nhân đó Ngài thỉnh hỏi Bồ-tát làm hoà thượng. Cho đến sau khi xây dựng xong chùa Ngài cho tạc một tượng Phổ Hiền và voi trắng sáu ngà đồng thời lập hai đàn sám hối hai mươi một ngày ở chùa Bảo Lâm. Quan dân lần lượt kéo về, phụng cúng vô số. Sau đó Chu Ngung Vĩ Diệm thỉnh Ngài giảng pháp. Chu Ngung vốn là người có học thức lại thâm thúy Phật lý. Cho

đến khi tham kiến ngài Tuệ Cơ thì cầu tìm học hỏi nên ngày càng có nhiều đổi mới. Lưu Hiến, Trương Dung đều bày tỏ ý định lễ Ngài làm thầy, tôn sùng lời chỉ huấn của Ngài. Tư Đồ Văn Tuyên Vương khâm phục phong cách và mấn mộ đức hạnh của Ngài, gửi thư đến thăm hỏi một cách ân cần, phỏng cầu tông chỉ Pháp Hoa. Ngài bèn soạn bộ Pháp Hoa Nghĩa số, gồm ba quyển, và chế tác môn hướng nghĩa tự ba mươi ba khoa. Đồng thời lược giải phương tiện chỉ thú. Hội thông hai câu không, hữu. Chú giải kinh Di giáo, các bộ này vẫn lưu thông ở đời. Đức độ của Ngài trùm khắp Tam Ngô. Tiếng tăm vang lừng khắp tổ quốc. Chính vì vậy mà hoàng đế sắc phong Ngài làm tăng chủ, đảm nhiệm mười thành thành. Bởi lẽ lúc đầu Ngài làm tăng chánh ở miền Đông vậy. Bấy giờ Ngài tự do giảng đạo, dạy tu thiền tuệ. Tứ Viễn tuân theo, ngũ chúng quy phục. Tánh Ngài cương nghị mà ôn hoà, khí độ thanh nhã và hoà thuận. Cho nên những bạn đồng tu trong thiền môn chẳng hề tranh cạnh.

Ngài tịch ở chùa Thành Bàn vào mùa đông tháng 11 năm thứ 3 Kiến Vũ nhà Tề.

Lúc Ngài mới tẩm bệnh, đệ tử mộng thấy Phạm Tăng có mấy vị đều ngồi xếp bằng trước thềm. Ông hỏi các vị ấy từ đâu đến và làm gì. Các vị ấy đáp: Chúng tôi từ nước Đại Thừa đến để đón rước Hoà thượng Tuệ Cơ. Mấy hôm sau thì Ngài mất. Vì thế mà an táng Ngài hướng Nam của núi trong chùa Pháp Hoa. Hà Dân là bậc đặc tấn ở Lô Giang lập văn bia ở chùa Bảo Lâm, để ca tụng đức hạnh của Ngài. Đệ tử của Tuệ Cơ là Tăng Hạnh, Tuệ Húc, Đạo Khôi đều là những vị học thức uyên thâm. Lân lượt phô giảng. Mỗi vị đều lãnh đạo môn đồ để tiếp nối bánh xe pháp.

Sau này có Sa-môn Tuệ Lượng tiếp nối đảm nhiệm chức tăng chủ. Khi Ngài Tuệ Lượng thị tịch, tiếp tục có Sa-môn Tuệ Vĩnh. Vị này phong thái đạo mạo, thanh nhã, đức hạnh thanh cao nghiêm cẩn, cũng thành thạo kinh điển, và giảng thuyết rất hay. Kế tiếp Tuệ Vĩnh có Sa-môn Tuệ Thâm cũng là đệ tử của Tổ Tuệ Cơ, là bạn đồng học với Pháp Hồng, các vị này đều xem trọng giới hạnh, kế ngài Tuệ Thâm có Sa-môn Đàm Hưng cũng là người sâu sắc và có phong độ.

THÍCH TUỆ THỨ

Ngài mang họ Duẫn, người ở Ký châu. Ban đầu xuất gia làm đệ tử ngài Chí Khâm. Sau đó gặp ngài Thích Pháp Thiên ở Từ châu là bậc thông triết đương thời, ngài Chí Khâm bảo Tuệ Thứ hãy đến y chỉ ngài Pháp Thiên. Thế là thầy về Nam đến Kinh Khẩu ở chùa Trúc Lâm. Trải qua năm năm sau Ngài theo Pháp Thiên trở về Bành Thành. Tuy nhiên năm ở trong địa vị Sa-di nhưng chí học không lui sụt. Thanh giám luân thông, siêu nhiên bạt thiệp. Đến năm mười tám tuổi giải thông kinh điển, tiếng tăm vang khắp Từ Châu. Cho đến lúc thọ đại giới thì giới nghiệp càng thâm sâu. Nhiều lần lên pháp tòa giảng Thành Thật và Tam Luận. Giữa niên hiệu Đại minh Ngài ra kinh đô ở chùa Vu Tạ. Đến cuối đời Tống, đầu Tề thì Ngài trở về Đức Sảo Quảng. Mỗi khi đăng tòa thuyết pháp thì đạo tục rầm rộ kéo về. Sa-môn Trí Tạng, Tăng Mân, Pháp Vân v.v... đều là những vị tuổi trẻ thông minh, trí tuệ bẩm sinh, đồng thời tìm đến tòa Tuệ Thứ để cầu đạo. Văn Tuệ, Văn Tuyên đều kính Ngài như thầy, cúng dường tứ sự. Niên hiệu Vĩnh Minh thứ 8 Ngài giảng Bách Luận, đến phẩm Phá Trần thì bỗng nhiên hóa thác, thọ năm mươi bảy tuổi. Thời đó tại chùa Tạ cũng có các vị Tăng Bảo, Tăng Trí. Chùa Trường Lạc có Pháp Trân, Pháp Hưởng. Tăng Mãnh, Pháp Bảo, Tuệ Uyên đều là những bậc thông triết một thời, được những bậc học giả đương thời tôn trọng.

THÍCH TUỆ LONG

Ngài họ Thành, người Dương Bình. Thuở nhỏ nhà nghèo, học hành không có thầy bạn, mà thành tích xuất sắc rõ rệt. Năm lên hai mươi ba tuổi mới xuất gia. Trong thời gian hơn mười năm chuyên tâm nơi Phật pháp, quán triệt thông suốt các bộ kinh. Vào giữa niên hiệu Thái Thủy, Ngài đến kinh đô ở chùa Hà Viên. Ngài đã thông thạo nơi thuyên biểu lại giỏi thanh luận. Nhân vậy mà đối kháng, nghị biện rất xuất sắc. Tống Minh Đế thỉnh Ngài về chùa Tương Cung giảng Thành Thật Luận. Thính giả nghe pháp hơn tám trăm người. Sau đó vương hầu Quý thặng lần lượt triệu thỉnh Ngài giảng pháp. Phàm những chỗ khúc mắc, rườm rà, tối nghĩa trước đây, Ngài đều đem ra phân tích rạch ròi khiến người dễ hiểu. Bền lập nghĩa Thật Pháp đoạn kết. Chu Ngung ở

Nhữ Nam bảo rằng: Long công tiêu điều quạnh quẽ như tùng trúc trong sương móc. Ngài mất vào niên hiệu Vĩnh Minh thứ 8, thọ sáu mươi hai tuổi. Thời ấy ở Giang Tây có ngài Thích Trí Đản cũng giỏi kinh luận, đồng thời là vị nổi tiếng đức độ ngang hàng với ngài Tuệ Long, tiếng tăm của mỗi vị vang khắp vùng Lương Ngạn. Khi đó chùa Hà Viên lại có Tăng Biện, Tăng Hiền, Đạo Tuệ, Pháp Độ đều là những bậc tinh nghiên kinh luận, sự nghiệp rạng rỡ.

THÍCH TĂNG TÔNG

Ngài họ Nghiêm, vốn là người Bằng Dực Ung châu. Vào đời Tấn gặp lúc hỗn loạn, tổ tiên bốn đời của Ngài dời về ở Tần quận. Năm lên chín tuổi làm đệ tử ngài Tăng Viên, tham vấn tuệ nghiệp. Sau đó lại thọ học nơi hai vị Đạo Bản, Tăng Tế. Sư rất thành thạo kinh Đại Niết-bàn và Thắng Man, Duy-ma. Mỗi lần thăng tòa thuyết pháp, thính giả tụ hội hơn cả ngàn người, diệu biện bất cùng, ứng biến vô tận, mà tùy tánh khai phóng để thích ứng với nghi tắc, đặc ý tiện hành mà không ngăn ngại. Ngài thủ kiệm, chuyên tiết. Có chuyện thị phi về Ngài, Thái tử Văn Tuệ muốn bắt tội để lưu đày Ngài đi, song trong mộng có sự linh cảm, thế là ông bèn đổi ý quy y. Ngụy chủ Nguyên Hoàng từ xa trông vọng oai đức, phong cách của Ngài, nhiều lần gửi thư đến thỉnh Ngài giảng pháp. Thế Tổ nhà Tề không bằng lòng cho Ngài đến nước Ngụy.

Ngài đã giảng các bộ Niết-bàn, Duy-ma, Thắng Man v.v... gần đầy trăm biển. Các tín thí cùng nhau xây chùa Thái Xương để thỉnh Ngài về ở. Ngài tịch năm Kiến Vũ thứ 3, thọ năm mươi chín tuổi. Trước đó Pháp sư Đàm Chuẩn ở phương Bắc nghe Ngài rất giỏi kinh Niết-bàn bèn tìm về phương nam để dự thính. Tư tưởng, tình cảm của hai miền Nam Bắc không đồng nhau nên Ngài Đàm Chuẩn, đặc biệt giảng lại, phần đông là các vị sư phương Bắc tham dự. Sau đó Đàm Chuẩn ở chùa Tương Cung. Các vị Pháp Chân, Pháp Thân cùng chùa là những vị thầy kiệt xuất đương thời. Thời ấy ở chùa An Lạc có các vị Tuệ Linh, Pháp Tiên, Pháp Tối, chùa Trung Hưng có ngài Tăng Kính, Đạo Văn. Chùa Thiên Trúc có ngài Tăng Hiền đều là những vị giỏi về Số luận, tiếng tăm truyền khắp cả nước.

THÍCH PHÁP AN

Ngài họ Tất, người ở Đông Bình, là hậu duệ của Ngụy Tư Tứ hiệu úy Quý. Năm lên bảy Ngài thờ Pháp sư Tuệ Quang chùa Bạch Mã làm thầy xuất gia. Tuổi tuy còn nhỏ mà đã thông suốt, các kinh sách, ngoại điển phần nhiều đều tham cứu và hiểu biết. Ngài tuy ở trong độ tuổi làm sa-di mà tinh thần lại rất nhạy bén và tinh anh. Khi ấy Trương Vĩnh thỉnh ngài Tăng Bân giảng đều làm cho những bậc học giả nổi tiếng khuất phục. Trương Vĩnh hỏi Tăng Bân rằng: Ở kinh hạ có người tuổi trẻ tài cao không?

Ngài đáp: ở đó có sa di Đạo Tuệ, Pháp An, Tăng Bạt, Tuệ Hi. Trương Vĩnh muốn thỉnh ngài Đạo Tuệ trình bày kinh Niết-bàn, Pháp An thuật lại Phật tánh. Thần sắc Ngài ung dung trình bày rõ ràng không sót. Trương Vĩnh hỏi hai vị bao nhiêu tuổi. Đạo Tuệ đáp mười chín tuổi, Pháp An bảo là mười tám tuổi. Trương Vĩnh khen: Xưa kia Phù Phong Chu Bật mới mười hai tuổi đã giỏi đọc thơ, vịnh thi. Thời đó người ta gọi là “thần đồng”. Nay hai vị đạo sĩ này có thể gọi là “nghĩa thiếu” các vị đã làm rạng rỡ chốn kinh kỳ, vang khắp bốn bể. Cho đến tuổi thành niên thì đảm đương trọng trách của bậc thầy. Vương Tăng Mân ra trấn nhậm Dương châu, bèn thỉnh Ngài cùng đi chung. Sau đó về phương Nam đến Phiên Ngụ. Gặp ngay lúc Kính công giảng Niết-bàn, Pháp An vấn luận mấy phen. Kính Công giạt mình, nhường tòa. Ngài ở đó hai tuần mà Pháp sự liên tục. Giữa năm Vĩnh Minh ngài trở về kinh đô ở chùa Trung. Giảng Niết-bàn, Duy-ma, Thập Địa, Thành Thật Luận. Tư Đồ Văn Tuyên Vương, Trương Dung, Hà Dận, Lưu Hội, Lưu Hiến v.v... đều bảm phục văn nghĩa và kết làm pháp hữu. Ngài tịch năm đầu Vĩnh Thái ở chùa Trung. Thọ bốn mươi lăm tuổi. Ngài trước tác Tịnh Danh, Thập Địa nghĩa sơ và năm quyển Tăng Truyện.

Lúc ấy có các vị Kính Di, Quang Tán, Tuệ Thao ở chùa Linh Cơ, Đạo Tông chùa Ngõa Quan cũng là những bậc lưu danh đương thời. Được giới học giả hâm mộ.

THÍCH TĂNG AN

Ngài họ Chu, người Thọ Xuân. Tuổi nhỏ mà có suy nghĩ sâu sắc, chịu khó học tập. Ban đầu đến Bành Thành theo ngài Đàm Độ thọ giáo

môn Tam Luận. Thầy Độ đã là một bậc trác tuyệt một thời, ba phương bốn hướng quay về nương tựa. Cho nên Tăng Ấn bảm thọ nỗ lực nghiên cứu đến tận cùng lẽ thâm áo. Sau đó Ngài đến ở Lô Sơn, bảm thọ Pháp Hoa nơi ngài Tuệ Long. Tuệ Long cũng là bậc trứ danh thời ấy, truyền bá tông chỉ Pháp Hoa. Tăng Ấn tận lực nghiên cứu thấu triệt tông chỉ Pháp Hoa bằng những tư tưởng mới lạ. Thế rồi chẳng bao lâu Ngài về miền Đông đến kinh sư ở chùa Trung Hưng. Lại còn tham cứu tư tưởng Niết-bàn và những kinh điển khác.

Vào giữa niên hiệu Đại Minh nhà Tống, Trưng Cư Hà Mặc triệu tập tăng chúng thỉnh Ngài làm pháp tượng, thính giả khoảng trên bảy trăm người. Tư Đồ Văn Tuyên Vương, Đông Hải Từ Hiếu Tự, đều kính phục phong cách đạo đức của Ngài nên nhiều lần đến thính thuyết pháp giới hạnh của Ngài trong sạch, nghiêm mật, bảm tánh nhu thuận, bao dung tha thứ, vui buồn không lộ ra bên ngoài. Lúc ấy bọn rắc rối, ưa vấn luận hoặc cố tìm cách để xoi mói, nhục mạ. Nhưng thần sắc của Ngài vẫn điềm nhiên như không có chuyện gì. Tuy Ngài thông suốt các kinh nhưng đặc biệt nổi tiếng nhất là bộ Pháp Hoa. Ngài giảng Pháp Hoa tổng cộng hai trăm năm mươi hai lần. Sau đó Ngài tịch vào năm đầu Vĩnh Nguyên nhà Tề, thọ sáu mươi lăm tuổi.

THÍCH PHÁP ĐỘ

Ngài là người Hoàng Long, xuất gia từ lúc còn nhỏ, du học phương Bắc, học đủ các loại kinh. Nhưng lấy việc khổ hạnh làm đề mục. Vào cuối đời Tống ngài đến kinh sư. Cao Sĩ Minh Tăng Thiệu ở Tề quận chống lại người ngoại quốc nên ông đành ở ẩn Nhiếp Sơn huyện Lang Da. Vì mến phục phong độ của Ngài nên lấy lễ thầy bạn để tiếp đãi Ngài. Cho đến khi ông sắp mất thì bỏ chỗ ở trên núi làm Tinh xá Thê Hà, thỉnh Ngài về ở đó. Trước kia có đạo sĩ muốn lấy đất chùa làm môn quán. Người ở đó đã chết và sau đó muốn làm chùa. Vẫn còn rất nhiều chuyện kinh động. Song từ lúc ngài Pháp Độ về đó ở thì bọn yêu quái bật dứt. Ngài ở đó nhiều năm, một hôm chợt nghe tiếng người, ngựa, trống, tù. Phút chốc thấy một người cầm tờ giấy thông báo cho Ngài biết rằng: Cận Thượng ở trước Độ. Thượng hình thật trang nhã vũ vệ cũng uy nghiêm. Bèn nói ra những lời rất kính trọng: đệ tử là vua núi này hơn bảy trăm năm. Thần đạo có pháp vật không được can phạm. Trước kia có những người nương ở đây có kẻ không chơn chánh. Cho nên bịnh, tử

nổi nhau qua đời, âu cũng là số mệnh. Pháp sư là chỗ đạo đức quy tụ, nên tôi thành khẩn xả bỏ để phụng cấp, và nguyện thọ năm giới, mãi kết duyên từ đây. Độ nói: Đạo của người, thần không thể cùng nhau dung hợp, vả lại đàn việt hưởng đồ cúng bằng huyết thịt của thế gian. Đây là điều tối kỵ của năm giới.

Thượng nói: Nếu tôi dự vào môn đồ thì trước tiên là bỏ việc sát sanh. Thế rồi ông ta từ giả ra đi. Đến sáng hôm sau Ngài thấy một người đem một vạn đồng, hương đèn, dao v.v... Sở nói: đệ tử Cận Thượng phụng cúng. Đến ngày 15 tháng đó ngài Pháp Độ thiết hội. Cận Thượng lại đến cùng chúng, lễ bái, hành đạo thọ giới rồi đi. Chủ miếu ở Nhiếp Sơn mộng thấy thần đến bảo rằng: Tôi đã thọ giới ở nơi thầy Pháp Độ, cúng tế chớ nên giết hại loài vật. Do đó miếu chủ mỗi lần dâng cúng chỉ dùng rau quả mà thôi. Ngài Pháp Độ có lần đập xuống đất rồi nằm nghỉ trên đó. Thấy Cận Thượng từ ngoài đến lấy tay xoa đầu chân rồi đi. Vài phút sau trở lại cầm một chiếc bình lưu ly, trong bình đựng nước để dâng cho Ngài, nước ấy có vị ngọt và lạnh. Vì Ngài đã sống cuộc đời thanh bần cho nên mới cảm ứng như vậy. Lúc ấy có Sa-môn Pháp Thiệu hạnh nghiệp thanh bần khổ hạnh, tiếng tăm ngang hàng với ngài Pháp Độ nhưng học vấn thì uyên bác hơn, người thời ấy gọi: Hai vị thánh ở Bắc Sơn. Ngài Pháp Thiệu vốn là người Ba Tây. Nhưng khi Chu Ngung ở Nhữ Nam đến thành đô nên mời Ngài cùng đi xuống ở tinh xá Sơn Thứ. Ngài Pháp Độ cùng Pháp Thiệu đều được các vị vương tử Tề Cảnh Lăng, Lương Thi An, Vương Diêu Quang cung kính như thầy, cúng dường tứ sự. Pháp Độ luôn nguyện vãng sanh Tây phương cho nên giảng rộng về kinh Vô Lượng Thọ, tổng cộng không biết bao nhiêu lần. Ngài tịch ở trong núi vào niên hiệu Vĩnh Nguyên thứ 2 nhà Tề. Thọ sáu mươi bốn tuổi. Ngài có vị đệ tử là Tăng Lăng nối gót theo thầy làm cương lĩnh ở chùa núi. Tăng Lăng gốc người Liêu Đông, là một người tánh tình phóng khoáng, học rộng tư duy bao trùm tất cả. Phàm những kinh luật khiếm khuyết Ngài đều đem thuyết giảng. Hoa Nghiêm Tam Luận là điều tối cần thiết cho mọi người. Hôm nay trở lại càng xem trọng hơn đồng thời khuyên răn những học sĩ thọ nghiệp ở núi.

Thời đó chùa Bàn Thành có ngài Tuệ Khai, thần khí cao minh từ nhỏ, chí học uyên thâm, cho nên đã nổi danh từ nhỏ, đến tuổi trưởng thành lại thuyết pháp. Ở Từ Hàng có ngài Pháp Khai cũng là bậc phong thái đỉnh đạc, rất giỏi đàm luận, đến Kinh châu ở chùa Thiên Cương, và cũng là vị pháp hữu đồng ở chung chùa và nổi tiếng như ngài Tăng Thiệu.

THÍCH TRÌ TÚ

Ngài vốn là họ Cừu, người kinh Triệu, ngụ ở Kiến Nghiệp, đỉnh ngộ từ nhỏ. Ngài có chí xuất gia từ sớm nhưng vì song thân quá yêu mến nên không bằng lòng. Ông bà lên cầu hôn và định ngày đám cưới. Trí Tú nghe được điều đó bèn trốn đi vào ở chùa Linh Diệu, Tường Sơn, cạo tóc xuất gia. Cho đến năm đủ tuổi thọ cụ túc thì hạnh nghiệp càng vững chắc hơn, phỏng cầu tất cả chữ sư, chắc lọc, học hỏi nhiều điều mới lạ. Thế là các bộ đại tiểu rõ hiểu và số luận đều thông lâu. Song giỏi nhất là bộ Đại Tiểu Niết-bàn, Tịnh Danh, Bát-nhã. Và cho đến lúc hội giảng vừa lập thì vương hầu tiếp giá, khanh tước theo hầu, những lời lẽ tinh tế, tư tưởng thâm áo, văn cú sâu sắc đều biểu lộ ra như lời của nhơn thần. Ngài tịch vào đầu niên hiệu Thiên Giám ở chùa Trì Thành. Thọ sáu mươi ba tuổi. Ngày sắp an táng Ngài, tăng tục đông đảo. Khắp hang cùng ngõ hẻm cùng lê dân sĩ thứ ngậm ngùi xót thương. Thời ấy chùa Trì Thành lại có vị Tăng Nhã, Đạo Thừa đều là những vị danh tăng đương thời. Ngài Tăng Nhã cùng với anh mình là Tăng Tuyên đều rất thành thạo các kinh và sách vở ngoại điển. Tăng Nhã tụng Pháp Hoa và phân chia ra bộ loại, sau đó làm Tăng Chánh ở nước Ngô. Chí nghiệp của Đạo Thừa cũng minh mẫn mà giỏi nhất là Tỳ-đàm.

THÍCH TUỆ CẦU

Ngài họ Mã, người quận Phù Phong, dòng dõi làm quan. Năm lên mười sáu tuổi thì xuất gia, ở chùa Trúc Lâm Kinh châu, thờ Đạo Hình làm thầy. Khi lãnh thọ giới huấn thì hành một cách thanh tịnh. Sau đó vào chùa Lộc Sơn ở Tương châu chuyên tâm tu thiền. Chẳng bao lâu thì cùng bạn học là Tuệ Độ đến kinh sư sưu tầm học hỏi kinh điển. Sau nữa lại đến Bành Thành theo ngài Tăng Uyên thọ giáo môn Thành Thật Luận. Đến năm ba mươi hai tuổi mới trở về Kinh châu chuyên đảm trách việc giảng dạy. Hội giảng liên tục, học chúng vô số. Ngài là bậc tài ba nhất từ xưa đến giờ ở miền Kinh Sở, cho nên khiến cho bậc nghĩa tăng ở Tây Hạ được cùng một phen tranh tài độ sức với kinh ấp đó là nhờ tài sức của Tuệ Cầu vậy. Năm đầu Trung Hưng vua sắc phong Ngài làm tăng chủ ở Kinh châu. Công lao dạy dỗ của Ngài được lưu danh đương thời. Ngài tịch vào năm thứ 3 Thiên Giám thọ bảy mươi bốn tuổi. Trong

di chúc Ngài dặn phối xương cốt dưới gốc tùng, nhưng đệ tử không nỡ làm như vậy.

THÍCH TĂNG THẠNH

Ngài họ Hà người Kiến Nghiệp. Là một người thông minh, cơ mẫn từ nhỏ. Lại thêm siêng năng chuyên tâm học hành. Cho nên hiểu rất rõ Số luận và thành thạo các kinh. Là một Pháp sư uyên bác đương thời, đồng thời còn lão luyện các môn ngoại điển, khiến cho các Nho sĩ nể phục, cho nên các môn sinh trong học quán thường cận kề ngài Tăng Thanh. Ngài tịch vào giữa năm Thiên Giám, ở chùa Linh Diệu, thọ trên năm mươi tuổi. Thời đó có ngài Pháp Hân ở chùa Tống Hi, Trí Sưởng, Pháp Quýnh chùa Diên Hiền, Tăng Hộ, Tăng Thiệu chùa Kiến Nguyên đều là những bậc nổi tiếng đức độ như nhau. Ngài Pháp Hân, Trí Sưởng đều giỏi kinh luận, Pháp Quýnh tinh thông luật tạng. Tăng Thiệu, Tăng Hộ là bậc trứ danh về Tỳ-đàm.

THÍCH TRÍ THUẬN

Ngài họ Từ người ở Lâm Nghi, Lang Da. Năm mười lăm tuổi thì xuất gia. Thờ Ngài Trí Độ chùa Diên Hiền ở Chung Sơn làm thầy. Tuổi nhỏ mà đã thông minh đỉnh ngộ, dốc chí hơn người. Tuy còn ở trong địa vị sa-di mà học lực có nhiều thành tích xuất sắc. Cho đến tuổi thọ cụ túc thì giới hạnh càng tỏ rạng. Ngài trở thành bậc lão luyện kinh điển và giỏi nhất là Niết-bàn, Thành Thật. Mỗi hội thuyết giảng thì đồ chúng vân tập trên vài trăm người. Có lần xảy ra chuyện nhưng Ngài không lo lắng, cho dù đó là chuyện trắc trở Ngài vẫn một lòng ngay thẳng trong sạch, chân chất không có một mảy may tỳ vết. Thế nên Tề Cảnh Lăng Văn Tuyên Vương đặc biệt kính phục và thương mến. Ông tu bỏ lại chùa Trì Thành rồi thỉnh Ngài về ở. Tư Không Từ Hiếu Tự cũng tôn sùng hạnh giải của Ngài kính Ngài bằng lễ của người thầy. Và cho đến đông cung hôn muội, thất đức Hiếu Tự bị tru di, Tử Côn bỏ trốn và lánh hoá ở bên ngài Trí Thuận nên tội chết được khỏi. Tử Côn từ đó về sau càng cúng dường trọng hậu hơn, nhưng Ngài chẳng nhận bất cứ vật

gì. Một đêm có bọn cướp đến thắt, tịnh nhơn đuổi theo bắt chúng. Trí Thuận giữ lại ngủ qua đêm trong thắt, sáng hôm sau lấy tiền cho họ rồi dụ họ đi. Lòng nhân ái bao dung như vậy. Sau đó Ngài về miền Đông đến Vũ Huyệt ở tịnh xá Vân Môn, bán xe chánh pháp nhờ đó mà hưng thịnh lại nơi vùng Giang Tả. Ngài là người khiêm tốn, nhã nhặn, hình tướng như thần, phong độ trang nghiêm, cử chỉ không thất thố. Chonên quan dân đều kính phụng, và nể vì. Ngài tịch vào niên hiệu Thiên Giám thứ sáu ở chùa trên núi, thọ sáu mươi một tuổi. Lúc mới phát bệnh thậm chí nhiều ngày không ăn uống. Bỗng một lúc Ngài tìm đồ ăn uống. Đệ tử Đàm Hoà biết thầy lâu ngày không ăn ngũ cốc nên ông lén lấy nửa cốc gạo nấu nhừ để dâng cho thầy nhưng Ngài nuốt vào thì ói ra lại. Ngài tìm nước súc miệng và nói với đệ tử rằng: Ông hãy ra khỏi chùa này và đừng bao giờ quay trở lại nữa. Ngài giữ chặt khí tiết và tinh khổ đến như vậy. Ngày lâm chung trong phòng Ngài thoảng mùi thơm đặc biệt. Có người thấy hoa trời và bảo cái. Ngài di chúc dặn đệ tử phối hình hài ra đất trống để bố thí cho côn trùng. Song môn nhơn không nỡ làm như vậy, mà an táng thi hài bên cạnh chùa. Các vị đệ tử lập bia để lưu truyền đức hạnh của Ngài.

Viên Ngang ở quận Trần soạn văn. Ngài Tuệ Cử chùa Pháp Hoa lại làm văn mộ chí. Những trước tác văn ký như: Pháp sự tán và Thọ giới, Hoằng pháp, đều lưu hành ở đời.

THÍCH BẢO LƯỢNG

Ngài họ Từ, tổ tiên Ngài vốn ở Vị Tộc Đông Hoàn. Sau đó nhà Tấn thì xuất gia, thờ Pháp sư Đạo Minh ở Thanh châu. Thầy Minh cũng là vị tăng nghĩa học, nổi tiếng đương thời. Ngài Bảo Lượng vào thọ học chuyên tinh, nhớ kỹ không sót. Đến sau khi thọ cụ túc bèn muốn du phương hoằng hoá. Hễ dạy bảo điều gì đều có căn cứ, chưa thể vượt khỏi sự hệ lụy của cảnh duyên. Thầy Minh bảo: Sa-môn bỏ tục phải lấy việc tuyên thông làm lý, đâu thể vương mắc lưới ái này, khiến cho đạo của ta không thông được, Bảo Lượng ngộ ra lẽ đó vì thế mà làm khách du hoá. Năm hai mươi tuổi đến kinh sư ở chùa Trung Hưng. Viên Xán vừa gặp thì rất mực kính trọng. Sau này ông viết thư cho ngài Đạo Minh và nói rằng: Con đã từng gặp ngài Bảo Lượng. Vị ấy là bậc phi thường. Trước đây đến giờ nghe điều chưa từng nghe, bất giác tuổi đã xế chiều.

Như Châu sanh về Hợp phố, người nước Ngụy lấy để chiếu xe. Ngọc bích ở Hàm Đan Tần Vương thỉnh về Hoa quốc. Bảo bối của thiên hạ thì hãy cho thiên hạ cùng hưởng. Chẳng phải thứ mà bậc thượng như ở Quý châu cần vậy. Từ đó tiếng tăm của Ngài càng vang rộng. Cho đến khi song thân Ngài mất, đường xá hiểm trở không về đất Bắc được. Vì thế Ngài chuyên tâm thiền định và dứt bậc chuyện đời. Tề Cảnh Lăng Văn Tuyên Vương đích thân đến phòng Ngài thỉnh làm Pháp sư. Ngài bất đắc dĩ phải đi. Văn Tuyên quỳ lạy cung kính để kết nhân duyên bồ-đề với bốn chúng. Sau đó Ngài dời về ở chùa Linh Vị. Thế rồi Ngài tiếp tục giảng pháp, kinh điển lưu truyền rộng rãi ở kinh ấp. Ngài giảng bộ Niết-bàn tổng cộng tám mươi bốn lần. Thành Thật luận mười bốn lần, Thắng Man bốn mươi hai lượt, Duy-ma hai mươi biến, Đại Tiểu Phẩm mười lần, Pháp Hoa, Thập Địa, Ưu-bà-tắc giới, Vô Lượng Thọ, Thủ-lăng-nghiêm, Di giáo, Di Lạc Hạ Sanh v.v... cũng gần mười lượt. Đệ tử tại gia, xuất gia hơn ba ngàn người. Môn đồ tham kiến vấn đạo đến mấy trăm. Bảo Lượng là một người tính tình phóng khoáng độ lượng. Phong thái khí khái, anh tuấn. Và khi khai chương mệnh cú thì lời lẽ sắc bén, phóng khoáng. Hễ ai vấn luận hoặc nghi nan chất vấn, đồng tìm đến Ngài thì mọi thứ mở xẻ tách bạch liền tỏ rõ tông chỉ, mỗi nghi ngờ tiêu tan, bao nhiêu điều nghi trệ đều quên hết. Cho nên hoàng thượng đương triều tôn sùng chánh đạo. Và lúc nào cũng hoài vọng đức của Ngài, nhiều lần đến đàm đạo. Tánh Ngài rất cương trực, lần nào nói chuyện cũng xưng hai chữ bản đạo. Hoàng thượng tuy có ý nghĩ phóng khoáng nhưng lại rất khâm phục phong thái thần xuất của Ngài. Năm Thiên Giám thứ 8 bèn sắc phong Ngài soạn Niết-bàn Nghĩa Sở hơn mười vạn lời, đích thân ông đề tựa: không có ngôn ngữ thì không do đâu để gởi gắm lời nói. Nói ra thì hệ lụy đến vô ngôn. Lụy đến ngôn ngữ thì có thể dứt nói. Ngôn ngữ ngừng thì các kiến chấp tranh nhau khởi. Cho nên Như Lai nương vào bốn nguyện mà thác sanh, hiện sức từ để ứng hóa, ly văn tự để lập giáo, quên tâm tướng để thông đạo. Muốn khiến cho ngọc quý, đá mân khác giá, sông kinh, vị phân dòng. Lập ra lục sư mà dứt tứ đảo. Trái ngược bát tà để quy về một vị. Bẻ sừng thế trí, bịt miệng dị nhưn. Hướng dẫn tâm tìm châu, mở mắt xem voi. Cứu sự thiêu đốt trong nhà lửa, vớt kẻ đắm chìm trong biển sáng. Cho nên mưa pháp tưới tắm để giống khô được nảy mầm. Mặt trời trí tuệ xuất hiện để xóa tan đêm trường tăm tối. Khởi lòng cảm phần Ca-diếp, thốt ra lời lẽ chân thật. Tuy hai món này thì bằng với trước. Năm đại trình bày ở sau. Ba mươi bốn câu luận bàn sai khác. Phương tiện khuyến dẫn tùy ý đáp đối. Toàn

bộ yếu nghĩa kinh điển không ngoài hai đường, khởi nguồn sẵn có của Phật tánh mình. Phát minh tông chỉ quy cực của Niết-bàn, chẳng nhân chẳng quả, không khởi niệm, không tạo tác. Nghĩa cao đến vạn thiện, sự tuyệt cả bách phi. Không không, không thể lường được bờ chân, huyền huyền không thể tận cùng diệu môn, trừ phi đức bình đẳng, tâm hợp với vô sanh, còn không thì tường vàng vách ngọc đâu dễ vào. Có vị Sa-môn Thích Bảo Lượng ở Thanh châu phong thái điềm đạm phóng khoáng, tinh thần minh mẫn, lối lạc. Thiếu thời đã liêm khiết, tiết kiệm giản dị, lớn lên an bản trong pháp nhãn, tuổi cao chí khí càng vững, tướng tá quốc thước, thung dung như tiên giác, rảnh rỗi khoẻ mạnh. Cho đến tuổi xế bóng cũng an nhiên như vậy. Ngày mồng 8 tháng 5 năm Thiên Giám thứ 8, vua sắc phong Ngài soạn Đại Bát Niết-bàn nghĩa số, đến ngày 20 tháng 9 thì hoàn thành. Làm sáng tỏ lời mâu nhiệm, tán dương chánh đạo, những gút mắc đã tháo gỡ, lưới nghi đã trừ, rõ ràng mạch lạc, chỉ nói sơ lược thôi. Trăm lúc rảnh rỗi sẽ xem xét bộ này. Nương vào mấy dòng sách để ghi riêng như vậy. Nhờ phước đức của Ngài mà chiêu cảm đến sự cúng dường của tín thí. Song tánh Ngài không thích tích trữ tiền bạc. Mà có được gì thì đem kinh doanh phước nghiệp. Sau khi Ngài tịch trong phòng Ngài chẳng chứa vật gì.

Ngài tịch vào ngày mồng 4 tháng 10 năm Thiên Giám thứ 8 ở chùa Linh Vị. Thọ sáu mươi sáu tuổi, an táng Ngài ở phía nam Chung Sơn, lập bia mộ.

Các nghĩa sĩ ở Trần quận như Chu Hưng Tự Quảng Lăng Cao Sảng cùng nhau viết văn, khắc vào hai mặt. Đệ tử Pháp Vân lại lập bia trong chùa. Văn Tuyên họa tượng Ngài thờ ở chùa Phổ Hoàng. Lúc ấy chùa Cao Tòa có ngài Tăng Thành. Chùa Khoáng Dã có ngài Tăng Bảo đều là bậc thầy kiệt xuất của Tề triều. Tăng Bảo rất thạo Tam Huyền. Được Di Du tôn trọng.

THÍCH PHÁP THÔNG

Ngài họ Chử, người Dương Dịch Hà Nam, là cháu tám đời của An Đông tướng quân châu đô đốc Khế nhà Tấn. Dòng tộc nhà Ngài áo mào lễ nghĩa thay nhau. Ngài vốn là con người thông minh, đỉnh ngộ tuyệt luân. Năm mười một tuổi xuất gia, học các kinh luật luận, chuyên tinh Phương Đẳng, Đại Phẩm, Pháp Hoa những bộ này nghiên cứu rất tỉ

mỉ. Năm chưa đến tuổi thọ tỳ-kheo đã làm Pháp sư. Thính chúng quy tụ đông đảo. Sau đó Ngài dời gót đến kinh sư. Lúc đầu ở chùa Trang Nghiêm sau trú ở chùa Định Lâm Thượng. Tịnh dưỡng tâm thân, chuyên cần hành đạo. Những kẻ ngưỡng vọng quay về nương tựa dường như đầy cả thất núi. Tề Cảnh Lăng Văn Tuyên Vương, Thừa tướng Văn Hiến Vương đều quý kính đức hạnh của Ngài nên đích thân đến đảnh lễ. Tạ Cử ở Trần quận, Lục Quả ở nước Ngô, Trương Hiếu Tú ở Tầm Dương đều khích lệ nhau đến sơn môn để bảm thọ giới pháp. Đệ tử xuất gia, tại gia hơn bảy ngàn người. Ấn tích nơi Chung Sơn hơn ba mươi năm. Ngồi thiền, tụng niệm, lễ sám tinh cần. Đến ngày 10 – 6 năm Thiên Giám 11, bỗng nhiên không bệnh tật mà bèn nói với đệ tử rằng: Ta chỉ có thể sống đến ngày 20 tháng 9 thôi. Thế là đến 14 tháng 9 thấy hai cư sĩ đều cầm phát trắng đến trước giường Ngài. Rồi lần lượt ra đi, đến ngày 17 Ngài bỗng chập rãi nói: Đàn việt không quen biết, người từ đâu đến? Đệ tử Đàm Trí hỏi nguyên do. Ngài đáp: Có một người mặc y đỏ, đội mũ vén tóc, khiêng một chiếc hòm gỗ đặt trước giường. Đến ngày 20 thì thấy hình Phật xếp thành hai hàng đi đến. Ngài Pháp Thông chấp tay rất lâu. Người thị giả chăm sóc bệnh chỉ ngửi thấy mùi hương lạ, hoàn toàn không đoán được ý Ngài. Ngài bèn thắm biểu lộ cử chỉ đồng ý lời Tuệ Trân nói. Đến ngày 21 thì Ngài lấy nước thơm tắm rửa sạch sẽ xong, lễ Phật rồi nằm lại, chấp tay để trước ngực mà tịch đúng mười hai giờ. Thọ bảy mươi tuổi, sau đó an táng thi hài của Ngài ở phía Nam của chùa. Các vị đệ tử như Tĩnh Thâm v.v... lập mộ bia. Tạ Cử Lan, Lăng Tiêu, Tử Vân cùng nhau soạn văn để khắc hai bên mộ. Thời đó tại chùa Định Lâm Thượng lại có sa-di Trí Tấn người Bản Am, thanh tín dốc chí xuất gia khổ luyện, từng hành hạnh đầu-đà ở Đông Sơn, ngủ dưới gốc cây, một lần nọ có chú hổ đến xoa đầu. Thấy Trí Tấn ngồi thiền, nó không dám làm ồn náo mà lại quỳ xuống một lát rồi đi. Từ đó về sau Ngài ngồi một mình, đi một mình thường thấy một con ngựa xanh hộ vệ bên mình.

THÍCH TUỆ TẬP

Ngài họ Tiền ở đất Tiềm Ngô Hưng. Năm mười tám tuổi đến Cối Kê, núi Lạc Lâm xuất gia. Theo Pháp sư Tuệ Cơ thọ học. Ngài là người có tánh thật thà, không nói lời hoa mỹ và chăm chỉ học hành đêm ngày

không biết mệt mỏi. Sau đó ra kinh sư ở chùa Chiêu Đế, đồng thời chu du khắp nơi tham kiến học hỏi các sư, dung nạp mọi dị thuyết. Tam Tạng, Phương Đăng đều thông đạt. Lại còn tham vấn rộng rãi về Đại Tỳ-bà-sa và Tập Tâm Kiên-độ. Vì cùng đối biện, tranh luận nên Ngài đã nổi tiếng về bộ Tỳ-đàm đương thời. Phàm gặp những nghi nan to lớn Ngài đều mổ xẻ một phen. Các học giả trong nước đều kéo nhau về. Mỗi lần khai tòa thuyết giảng phụ trật cả ngàn người. Sa-môn Tăng Mân, Pháp Vân đều nổi danh một thời. Cũng theo lệ thỉnh ích. Hoàng đế đương kim luôn tiếp đãi nồng hậu sau mỗi lần thỉnh Ngài thuyết giảng. Năm Thiên Giám thứ 14 Ngài trở về Ô Trình, sau đó phát bệnh rồi mất. Thọ sáu mươi tuổi. Trước tác Tỳ-đàm Đại Nghĩa số hơn mười vạn lời, đến nay còn lưu hành rộng rãi ở đời.

THÍCH ĐÀM PHỈ

Ngài họ Vương, người xứ Diêm, Cối Kê. Thuở nhỏ xuất gia thọ giáo nơi Pháp sư Tuệ Cơ. Tính thông minh, mẫn tiệp vốn mang danh bác học. Ngài tham cứu các kinh Phương Đăng một cách triệt để. Cho đến Lão, Trang, Nho, Mặc đều thành thạo. Sau đó chu du khắp Đông Tây để tham vấn học hỏi. Thấu tột yếu chỉ của kinh luận, Ngài ở chùa Pháp Hoa Đài ở Hương ấp, giảng dạy thuyết pháp liên tục, học chúng vô số. Ngài là một người tính tình phóng khoáng, chí dụng thanhhuyền cho nên trở thành bậc kiệt xuất đối với Tiểu phẩm và Tịnh Danh. Lại còn có tài vấn đáp, biện thuyết sắc bén, linh động, lời lẽ hoa mỹ. Phong cách trên tòa rất được xem trọng. Hoành Dương Hiếu Vương Nguyên Giản nhà Lương và Ấn sĩ Lô Giang Hà Dận đều ngưỡng vọng đức độ của Ngài nên từ xa triệu thỉnh về giảng thuyết. Trương Dung ở nước Ngô và Chu Ngung, con của ông là Xá ở Nhữ Nam cùng nhau kết Tam Thi Âm.

Ngài tịch ở chùa vào năm Thiên Giám thứ 17, thọ bảy mươi sáu tuổi. Những tác phẩm văn chương của Ngài cũng còn truyền ở đời. Ngài nổi tiếng vùng Giang Đông nên được phong làm tăng chủ mười thành. Thánh chỉ vừa ban hành Ngài chưa tiếp kiến thì đã thác hóa. Tăng ni vùng ấy vô cùng kính tiếc, lưu luyến đức độ của Ngài. Ngài Đàm Phỉ ở chùa Nam Nham trong huyện đó có Sa-môn Pháp Tạng cũng là người giới đức trong sạch. Rất thích phóng sanh, cứu mạng, xây dựng chùa

chiên, họa vẽ tượng Phật. Thời đó ở Du Diêu Huyện có tỳ-kheo Minh Khánh cũng nổi tiếng đồng thời với ngài Đàm Phi. Ngài Minh Khánh là người họ Tịnh, giới hạnh nghiêm mật thanh khiết, học vấn ưu tú, thờ ngài Viêm làm bốn sư, còn làm đệ tử của Hoàng Thật. Thầy trò 3 đời đều được xem trọng ở Đông Nam.

Luận nói: Luận về lý cùng tột thì vô ngôn, sâu mầu vắng lặng. Vì sâu vắng nên tâm hành xứ đoạn. Vì vô ngôn nên bật đường ngôn ngữ. Bật đường ngôn ngữ thì có ngôn ngữ tổn thương ý chỉ của nó. Tâm hành xứ đoạn thì tác ý mất đi sự chân thật của nó. Cho nên Tịnh Danh im lặng ở phương trượng. Thích-ca mặc niệm nơi sa-la. Điều đó đủ biết lý cùng tột đến chỗ sâu vắng vắng bật. Cho nên gọi là vô ngôn. Chỉ vì bông bênh trong cảnh mộng thì cách xa lý này, bọn ngu xuẩn không giáo huấn thì làm sao khải sáng. Vì thế thánh như chuẩn bị linh diệu để ứng vật. Thể hội cái vắng bật sâu mầu để thông thần. Mượn lời mầu để trợ đạo, vay hình tướng để truyền chân. Cho nên nói: Bình khí là vật bất tưởng, không được dùng nó một cách tùy tiện. Lời lẽ là thứ bất chơn không được nói năng một cách vô ích. Cho nên ban đầu từ Lộc Uyển lấy Tứ đế làm lời đầu tiên. Rồi cùng đến vườn học lấy ba điểm làm viên cực. Trong khoảng thời gian chặn giữa nói ra những văn cú hơn tám ức. Voi chở không hết. Long cung chật mà không hết. Điều đó giống như theo dấu mà được thỏ. Nhờ ngón tay mà thấy mặt trăng. Biết được trăng thì đẹp ngón tay, được thỏ thì quên dấu. Kinh nói: Y nghĩa không y theo lời nói. Đây là ý này vậy. Mà kẻ trệ nơi giáo cho rằng đạo nằm trọn trong thiên chương. Kẻ chấp tướng cho rằng pháp thân được định bởi trượng sáu. Cho nên phải thông đạt ý chỉ sâu mầu, diệu đặc ngoài lời. Tứ biện trang nghiêm vì người nói cạn kẽ. Thị biện giáo thuyết làm lợi ích là trách nhiệm của Pháp sư. Cho nên Chu Sĩ Hành tìm kinh ở Vu Điền, thệ nguyện là diệt hỏa. Rồi cuộc khiến cho Bát-nhã thịnh hành ở Đông Xuyên. Tư tưởng vong tướng được truyền đến đời Tú mật. Viên Thứ, Trúc Tiềm, Chi Độn, Vu Lan, Pháp Khai v.v... đều là người tính khí phóng khoáng, phong cách nho nhã. Công lao truyền hóa cũng đã khép lại. Vào thời kỳ giữa thời có Thích Đạo An, cầu học ở Thánh sư Trúc Phật Đồ Trường. Ngài lại truyền nghiệp cho đệ tử Tuệ Viễn. Giá như ba dòng này lưu truyền ở đời thì không thiếu thánh hiền, bởi các vị đều là bậc thầy giới đức tinh nghiêm, trí tuệ ngài sáng. Khiến cho mặt trời trí tuệ chói lợi hơn, ngàn năm nay tỏa hương khắp chốn, lại luân ược cõi diêm-phù, mạch suối vẫn trào tuôn, thực phải nương cậy người ấy. Ngài Tuệ Viễn đã ngăn ranh ở Hồ Khê. Đạo An lại đổi cày xe.

Luận về bậc có đạo hạnh cao thượng như làm điều ngược lại. Vậy thì nói, nín, động, tĩnh tùy thời thích ứng.

Kinh nói: Nếu muốn kiến lập chánh pháp thì phải thân cận quốc vương và cầm cương. Đạo An tuy nhứt thời cùng xa giá nhưng để khuyên can dùm bách dân. Cho nên có thể toàn cảm thì ứng chơn, vạch mây hiển báo. Từ đó về sau bậc trứ danh ở Kinh Hiệp thì Dục, Ngộ là nói đến trước tiên, bậc thanh cao trong sạch ở Lô Sơn thì lấy Trì, Vĩnh làm hàng đầu. Dung, Hằng, Ảnh, Triệu là bậc đạo cao đức trọng ở Quan Trung. Sanh, Duệ, Sương, Viễn, Lãnh là bậc có đạo nghiệp thật khả kính. Đàm, Độ, Tăng, Uyên trở thành bậc trác tuyệt ở Giang Tây. Siêu, Tấn, Tuệ, Cơ làm sáng lạn ở Triết Đông. Tuy những bậc này kế thừa làm hưng long Phật pháp ở thế gian mà đạo thuật cũng huyền hội. Cho nên khiến cho thời tượng pháp hưng thịnh hơn năm trăm năm nữa. Công hiệu đã rạng ngời lại càng tỏa sáng hơn.

Tán rằng:

*Di phong dăng đặc
 Kết sóng cuộn cuộn
 Chẳng phải Thích Triết
 Ai chốn chính suy đồi
 Tiềm, An Tỳ Diệu
 Viễn Duệ liên hoàn
 Chính đốn sự cong vạy
 Gột sạch bụi tà
 Tơ trắng đã nhuộm
 Biến hẳn phương này.*